TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159*/2019/HN - ST*
Ngày: *16/12/2019*
V/v tranh chấp *" Ly hôn, nuôi con "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lâm Hải Trung

2/ Ông Lê Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2019/TLST - HN ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp " ly hôn, nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2019/QĐXXST - HN ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn Y, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: khu phố A, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Anh **Đoàn Văn Y** trình bày:

Do quen biết và có tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì anh và chị Lê Thị Bích T tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2013 tại Ủy ban

nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới, anh đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, chị T về sinh sống nhà cha mẹ ruột tại thị trấn L, huyện L. Đến đầu tháng 8/2013 thì giữa anh và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhiều mặt, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng và nhường nhịn nhau nên thường xuyên cãi vả làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc dù đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục xây dựng hạnh phúc, cùng nhau nuôi con nhưng mâu thuẫn không những không thể khắc phục mà ngày càng trầm trọng, anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 9/2013 đến nay, từ lúc sống ly thân hai bên không còn tới tui thăm nom nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn chị Lê Thị Bích T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Đoàn Kim N sinh ngày 27/6/2013 do chị T nuôi dưỡng, anh đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện anh bị bệnh, đang điều trị tại khoa tham vấn hỗ trợ cộng đồng quận T nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Đoàn Văn Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đoàn Văn Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp giữa các đương sự là " ly hôn, nuôi con ", bị đơn là chị Lê Thị Bích T hiện cư trú tại khóm A thị trấn L, huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Bích T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Bích T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L cấp ngày 21/10/2013 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Văn Y và chị Lê Thị Bích T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Sau khi cưới nhau được vài tháng thì giữa anh Y và chị T đã phát sinh mâu thuẫn. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, anh Y và chị T đã sống ly thân từ tháng 9/2013 đến nay, từ thời điểm đó hai bên không còn qua lại hay quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt nên không có khả năng đoàn tụ. Tòa án đã tống đạt biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị T nhưng chị T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh Y. Tại văn bản đề nghị xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày 02/10/2019 anh Y cung cấp cho Tòa án, chính quyền địa phương có xác nhận anh Đoàn Văn Y và chị Lê Thị Bích T đi làm ăn xa, một thời gian sau chị T về sống tại khóm A, thị trấn L từ năm 2013 và không thấy anh Y tới lui thăm nom vợ con. Do đó:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của anh Đoàn Văn Y là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đoàn Văn Y ly hôn chị Lê Thị Bích T.

[4] Về con chung: Anh Đoàn Văn Y đồng ý giao cháu Đoàn Kim N sinh ngày 27/6/2013 cho chị Lê Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét cháu Đoàn Kim N còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa trước nay cháu N đều do chị Tuyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh Y cũng đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Kim N cho chị Lê Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đoàn Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện anh bị bệnh, đang điều trị tại khoa tham vấn hỗ trợ cộng đồng quận T.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Đoàn Văn Y không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Lê Thị Bích T vắng mặt nên không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Anh Đoàn Văn Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228 bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đoàn Văn Y ly hôn chị Lê Thị Bích T.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Kim N sinh ngày 27/6/2013 cho chị Lê Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đoàn Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Đoàn Văn Y không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Lê Thị Bích T vắng mặt nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Anh Đoàn Văn Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí anh Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005171 ngày 27/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Bích T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

Nguyễn Văn Bé Tư